

Số: 1306/NMĐSH1-KHTC
V/v cung cấp báo giá hàng hóa

Hậu Giang, ngày 05 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư dự phòng thay thế phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Sông Hậu 1 – Phần cơ nhiệt (Valve phần 1)”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm
 - Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.
 - Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO,CQ/các tài liệu liên quan khác.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu đề xuất tiến độ tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
4. Điều kiện thanh toán:
 - Tạm ứng 10% sau khi ký Hợp đồng, giá trị tạm ứng được thu hồi vào các đợt thanh toán.
 - Thanh toán 95% giá trị sau khi nghiệm thu bàn giao (bao gồm thu hồi tạm ứng), 5% giá trị còn lại được thanh toán sau khi hoàn thành nghĩa vụ Bảo hành hoặc Nhà thầu cấp Bảo lãnh bảo hành.
5. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
6. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 18/10/2024.
7. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

8. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Kế hoạch Tài chính – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: giangtth@pvpqb.vn; hanhthx@pvpqb.vn; nhannh@pvpqb.vn

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Phòng/PX: KTATMT;
- Lưu VT, KHTC (N.H.N);

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chính

Phụ lục - VẬT TƯ THAY THẾ PHẦN CƠ NHIỆT (VALVE PHẦN 1)

(Đính kèm văn bản số 1306 /NMĐSH1-KHTC ngày 05/10/2024)

STT	STT theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	5	Globe valve	Size: 25 (1") Class: 2500 SOCKET WELD ENDS Material body: SA105 ASME B16.34	KUMWOO	10	PC	
2	6	Globe valve	Size: 25 (1") Class: 2500 SPL SOCKET WELD ENDS Material body: SA182-F11 ASME B16.34	KUMWOO	10	PC	
3	7	Globe valve	Size: 1.5" Class: 4500 SOCKET WELD ENDS Material body: SA182-F91 ASME B16.34	KUMWOO	2	PC	
4	8	Globe valve	Size: 1" Class: 4500 SOCKET WELD ENDS Material body: SA182-F91 ASME B16.34	KUMWOO	4	PC	
5	9	Globe valve	Size: 1.5" Class: 2500 SPL SOCKET WELD ENDS Material body: SA182-F11 ASME B16.34	KUMWOO	4	PC	
6	10	Globe valve	Size: 2" Class: 2500 SPL SOCKET WELD ENDS Material body: SA182-F11 ASME B16.34	KUMWOO	2	PC	
	17	Gate valve	Size: 8" Class: 2500	PK Valve			
7	17.1	ADAPTER RING	A576-1045+Cr		4	PC	
8	17.2	GASKET	304 STAINLESS STEEL		4	PC	
9	17.3	PACKING	GRAPHITE+GRAPHITE WITH INCONEL WIRE		4	SET	
	20	Butterfly Valve		SUNG DO			
10	20.1	Butterfly Valve	(DN150, 150#)		1	PC	
11	20.2	Butterfly Valve	(DN125, 150#)		1	PC	
12	20.3	Butterfly Valve	(DN100, 150#)		1	PC	
13	29	Globe valve	- Size: 1" - Class: 600 - Socket weld ends - Material Body: A105 - ASME B16.34	KUMWOO CO.,LTD.	10	PC	
14	30	Globe valve	- Size: 2" - Class: 600 - Socket weld ends - Material Body: A105 - ASME B16.34	KUMWOO CO.,LTD.	2	PC	
15	31	Globe valve	- Size: 1" - Class: 600 - Socket weld ends - Material Body: A105 - ASME B16.34	KumWoo Co.,LTD	3	PC	
16	32	Globe valve	- Size: 2" - Class: 600 - Socket weld ends - Material Body: A105 - ASME B16.34	KumWoo Co.,LTD	2	PC	
	33	Globe valve	Type: Globe Size: +DN: 550 +NPS: 22 inch Class: 300	'PK Valve Co., Ltd.			
17	33.1		Material: A351-CF8+STL.6		1	PC	
18	33.2		Material: Graphite+Graphite with inconel wire		1	Set	
19	33.3		Material: Spiral wound/graphite+304+304		1	PC	
	34	Motor valve 30% FW FCV INLET MOV (UNIT#1,2)	Type: Parallel Slide Gate Size: +NPS 16 +DN 400 Class: 2500#	PK Valve co., Ltd.			
20	34.1	Gasket	Material: 304 stainless steel		1	PC	
21	34.2	Packing	Material: Graphite+Graphite with inconel wire		1	Set	
	35	Motor valve FEEDWATER BFP SHUT-OFF MOV (UNIT#1,2)	Type: Parallel Slide Gate Size: +NPS26 +DN650 Class: 2500#	PK Valve co., Ltd.			
22	35.1	Gasket	Material: 304 stainless steel		1	PC	
23	35.2	Packing	Material: Graphite+Graphite with inconel wire		1	Set	

STT	STT theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
	36	Motor valve HTR #6 OUTLET ISOLATION MOV (UNIT#1,2)	Type: Parallel Slide Gate Size: +NPS24 +DN600 Class: 2500#	PK Valve co., Ltd.			
24	36.1	Gasket	Material: 304 stainless steel		1	PC	
25	36.2	Packing	Material: Graphite+Graphite with inconel wire		1	Set	
	37	Motor valve HTR #7 OUTLET ISOLATION MOV (UNIT#1,2)	Type: Parallel Slide Gate Size: +NPS26 +DN650 Class: 2500#	PK Valve co., Ltd.			
26	37.1	Gasket	Material: 304 stainless steel		1	PC	
27	37.2	Packing	Material: Graphite+Graphite with inconel wire		1	Set	
	38	Motor valve HTR #8 OUTLET ISOLATION MOV (UNIT#1,2)	Type: Parallel Slide Gate Size: +NPS26 +DN650 Class: 2500#	PK Valve co., Ltd.			
28	38.1	Gasket	Material: 304 stainless steel		1	PC	
29	38.2	Packing	Material: Graphite+Graphite with inconel wire		1	set	
	39	FW STORAGE TANK TO MAIN BFBP A/B STOP V/V (UNIT#1,2)	Size: DN650 Class: 150 Type: Gate Socket weld ends Material Body: A216-WCB ASME B16.34	PK Valve			
30	39.1	Packing seal	Material: Graphite+Graphite with inconel wire		1	Set	
31	39.2	Gasket	Material: Spiral wound/graphite+304+304		1	PC	
	40	FEEDWATER BFP SHUT- OFF MOV (UNIT#1,2)	Type: Parallel Slide Gate Size: DN650 Class: 2500#	PK Valve co., Ltd.			
32	40.1	Gasket	Material: 304 stainless steel		1	Set	
33	40.2	Packing	Material: Graphite+Graphite with inconel wire		1	PC	
	41	Motor valve MAIN BFP B DISCHARGE LINE MOV	Size: +NPS18 +DN450 Class: 2500# Type: Parallel Slide Gate	PK Valve			
34	41.1	Gasket	Material: 304 stainless steel		1	PC	
35	41.2	Packing	Material: Graphite+Graphite with inconel wire		1	Set	
36	49	Globe valve (UNIT#1,2)	Size: 1" Class: 4500 Socket weld ends Material Body: A182-F91 ASME B16.34	FMC (FLOWONE Co.,Ltd.)	3	PC	
37	50	Safety valve	Model: KSR-CC Fluid: feed Water Type: Full bore Specific gravity: 1 Setting pressure (bar): 12 Relieving pressure (bar): 13.2v Hydraulic test pressure (bar): 30 Applicable code: API RP520 Connection: Inlet: ANSI 150LBS DN25; Outlet: ANSI 150LBS DN50 Design Pressure (bar): 20 Design temperature (độ C): 178 Material Body: A216-WCB Material Disc: SUS316 Material Spring: SWP	KOVAL	2	Set	
38	54	EJECTOR 1/2/3 OUT ISO VLV	Butterfly Valve Type: 567 Material: CPVC Valve Size DN: 150 Valve Trim/ Seal material: FPM	GEORGE FISCHER (GF)	3	Set	
	56	FGD		BEDESCHI			
39	56.1	Globe valve DN 25	-Size: DN 25 -Class: 800# -Type: Globe valve -Material: ASTM A105 -Connect: Socket Weld	BOER	2	PC	
40	56.6	Rubber expansion joint DN 50	-Size: DN50- PN16 -Material: EPDM -Flange material: carbon steel galvanized -Flanges ASME B16.5 Class 150		4	PC	
41	56.7	Rubber expansion joint DN 125	-Size: DN125- PN16 -Material: EPDM -Flange material: carbon steel galvanized -Flanges ASME B16.5 Class 150		10	PC	
42	56.8	Rubber expansion joint DN 150	-Size: DN150- PN16 -Material: EPDM -Flange material: carbon steel galvanized -Flanges ASME B16.5 Class 150		2	PC	
	57	Sootblowers	Blower Type: VX-A-MM Power per Blower: 1,36 kW Travel: 875 mm Steam / L.P.W Blowing Travel: 825 mm	Clyde Bergemann			
43	57.1	THRUST BEARING	BBTBB204014		1	PC	

STT	STT theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
44	57.2	3/4" PITCH DUPLEX CHAIN	FCHGA34D		1	PC	
45	57.3	CHAIN CONNECTING LINK	FCLGA34D		1	PC	
46	57.4	Blower Valve	-Flange Design - DN/ANSI: 50/300 -Valve Body Material: ASTM A217 WC6 -Max. Steam Pressure in front of Valve: 16 bar		1	SET	
47	57.5	SEALING PLATE	RI 23340A		1	SET	
48	57.6	SEALING PLATE (HPW)	RI 24307		1	SET	
	58	WWT FGD/Dehydrator	- Model Name: TPML1500-60DWA(30T) - Type: 1500X1500, Membrane, 7bar, Side bar frame	TEAYOUNG			
49	58.1	Filter cloths	- Type: Monofilament - Material: Nylon		61	PC	
50	58.2	Van màng DN 25	- Model code: 430NB - EP - Type: diaphragm valve - Size: DN 25 - Connection: ANSI 150# FF - Material body: A126-B + Hard Rubber lined - Material diaphragm: EPDM	NDV	2	PC	
51	58.3	Van màng DN 50	- Model code: 430NB - EP - Type: diaphragm valve - Size: DN 50 - Connection: ANSI 150# FF - Material body: A126-B + Hard Rubber lined - Material diaphragm: EPDM	NDV	1	PC	
52	58.4	Van màng DN 65	- Model code: 430NB - EP - Type: diaphragm valve - Size: DN 65 - Connection: ANSI 150# FF - Material body: A126-B + Hard Rubber lined - Material diaphragm: EPDM	NDV	1	PC	
	59	Chemical Dosing System for water treatment					
53	59.1	Diaphragm valve 1/2"	-Size: 1/2" -Rating: 150# -Connect type: FF -Body: UPVC -Seat: EPDM -Shaft(trim): UPVC -Disk(ball): UPVC		3	PC	
54	59.2	Diaphragm valve 1"	-Size: 1" -Rating: 150# -Connect type: FF -Body: UPVC -Seat: EPDM -Shaft(trim): UPVC -Disk(ball): UPVC		2	PC	
55	59.3	Diaphragm valve 1-1/2"	-Size: 1-1/2" -Rating: 150# -Connect type: FF -Body: UPVC -Seat: EPDM -Shaft(trim): UPVC -Disk(ball): UPVC		2	PC	
	60	Chemical Dosing System for waste water treatment					
56	60.1	Diaphragm valve 1/2"	-Size: 1/2" -Rating: 150# -Connect type: FF -Body: UPVC -Seat: EPDM -Shaft(trim): UPVC -Disk(ball): UPVC		2	PC	
57	60.2	Diaphragm valve 1"	-Size: 1" -Rating: 150# -Connect type: FF -Body: UPVC -Seat: EPDM -Shaft(trim): UPVC -Disk(ball): UPVC		4	PC	
58	60.3	Diaphragm valve 1-1/2"	-Size: 1-1/2" -Rating: 150# -Connect type: FF -Body: UPVC -Seat: EPDM -Shaft(trim): UPVC -Disk(ball): UPVC		2	PC	
59	62	Lốp Xe Năng 10 tấn DP100NH	Mã lốp: 9.00-20/7.00 ME310 Loại lốp: Lốp đặc Kích thước mâm 7.00	AICHI /JAPAN	2	PC	
	63	Trụ chữa cháy					
60	63.1	Butterfly valve	Size: 4" Model no.: KVS 3211 WP: 300 psi	KVS	5	PC	